

Bản án: 27/2026/DS- ST
Ngày 29/4/2026

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Văn Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Giáp Văn Thịnh; bà Vũ Thị Mai;

- Thư ký phiên toà: Bà Sầm Thị Thao – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 319/2025/TLST- DS, ngày 27/11/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần M (Jupiter); Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Hoàng Anh T – Chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Sỹ T1 – Chuyên viên xử lý nợ (vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Bùi Văn T2, sinh năm 1986; Địa chỉ thường trú: Thôn B, xã B, tỉnh Bắc Ninh. Hiện nay đang chấp hành án tại: P, trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

[1] Theo đơn khởi kiện, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng đại diện Công ty Cổ phần M (Jupiter) trình bày:

Ngày 30/10/2020, Ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh B (Nay là Bắc Ninh) với anh Bùi Văn T2 có ký hợp đồng cho vay số LN2010272947104, số tiền giải ngân là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng) với mục đích hoàn vốn tiền mua chiếc xe ô tô đã qua sử dụng, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay (trong hạn) tại thời điểm giải ngân là 9%/năm (lãi suất được tính theo năm với một năm là 365 ngày). Sau khoảng thời gian như quy định lãi suất cho vay trong hạn được điều

chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần vào các ngày 01/01, 01/04, 01/07 và 01/10 hàng năm. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 02/11/2021., ngày điều chỉnh lãi suất tiếp theo là ngày 04/01/2022, Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng mức: Lãi suất cơ sở VNĐ áp dụng đối với khoản vay có tài sản bảo đảm dành cho khách hàng cá nhân kỳ hạn 60 tháng được Bên Ngân hàng công bố (được niêm yết tại website: www.V2.com.vn) có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.6%/năm.

Quá trình thực hiện hợp đồng anh Bùi Văn T2 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung đã cam kết trong hợp đồng, đến nay hợp đồng tín dụng đã quá hạn 180 ngày.

Tài sản bảo đảm: Anh T đã thế chấp 01 xe ô tô, nhãn hiệu MAZDA BT50, số khung 4DD2KW887682, số máy P4AT2690192. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 98C-233.47 do Phòng C công an tỉnh B cấp, thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Bùi Văn T2.

Theo Hợp đồng Mua bán nợ số 15/2024/VPB-JUPITER ngày 27/12/2024 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V2) với Công Ty Cổ Phần M của khách hàng vay là Ông Bùi Văn T2 cụ thể như sau: Toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2010272947104 ngày 30/10/2020;

Công ty J toàn bộ quyền, nghĩa vụ của V2 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Quá trình xử lý khoản vay, Công ty M đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu Ông Bùi Văn T2 thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho Công ty M tuy nhiên Ông Bùi Văn T2 không thực hiện. Tạm tính đến ngày 29/04/2026 tổng dư nợ của anh Bùi Văn T2 còn phải thanh toán cho Công ty M là: tiền gốc nợ là 269,949,995 đồng, tiền lãi và lãi quá hạn: 239,179,536 đồng.

Công ty M đề nghị Tòa án giải quyết, buộc anh Bùi Văn T2 phải thanh toán cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/04/2026 là tiền gốc nợ: 269,949,995 đồng, tiền lãi và lãi quá hạn: 239,179,536 đồng; Xử lý tài sản thế chấp là 01 xe ô tô, nhãn hiệu MAZDA BT50, số khung 4DD2KW887682, số máy P4AT2690192, đăng ký xe ô tô BKS: 98C-233.47. Đề nghị tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 29/4/2026 cho đến khi anh T2 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng nợ đã ký. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

[2] Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 31/3/2026, anh Bùi Văn T2 trình bày:

Ngày 30/10/2020 anh ký hợp đồng cho vay số LN2010272947104 với Ngân hàng TMCP V (V1) – Chi nhánh B vay số tiền 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), thời hạn vay 60 tháng, mục đích vay để mua xe ô tô cá nhân, lãi suất 9%/năm. Tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô, nhãn hiệu MAZDA BT50, số khung 4DD2KW887682, số máy P4AT2690192. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 98C-233.47 mang tên Bùi Văn T2. Khi đến hạn thanh toán anh mới trả được một phần nợ, nay anh nhất trí với yêu cầu khởi kiện của Công Ty Cổ Phần M về việc yêu cầu trả toàn bộ số tiền còn nợ theo hợp đồng cho vay đã ký kết. Hiện nay anh đang chấp hành án mức tù giam là 07 năm 4 tháng tại Trại giam T3, tỉnh Thanh

Hóa. Anh đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt anh. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

[3] Đại diện của Viện kiểm sát phát biểu về tố tụng và quan điểm việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến kết thúc phần tranh luận chuyên vào nghị án; Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt không tham gia tố tụng là vi phạm về nghĩa vụ.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212, 299, 303, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 99, 100, 103 và 107 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024. Điều 12 của Luật Ngân hàng N1. Điều 13, 18, 20, 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng (khoản 4, Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023). Điều 7, 8, 10 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M (Jupiter);

Buộc anh Bùi Văn T2 phải trả cho Công ty Cổ phần M (M) số tiền nợ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/4/2026 là 509,129,531đ; trong đó nợ gốc là 269.949.995 đồng, nợ lãi 239.179.536 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày xét xử sơ thẩm anh Bùi Văn T2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất anh T2 phải tiếp tục thanh toán cho Công ty M cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về tài sản bảo đảm thế chấp: Trường hợp anh Bùi Văn T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Là 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50, biển kiểm soát 98C-233.47 thuộc quyền sở hữu của anh T2 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Về án phí và chi phí tố tụng: Anh Bùi Văn T2 phải chịu tiền chi phí tố tụng và án phí DSST theo quy định. Hoàn trả Công ty M số tiền đã tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng TMCP V (V2) với anh Bùi Văn T2, sau đó khoản nợ được chuyển giao hợp pháp cho Công ty Cổ phần M theo Hợp đồng mua bán nợ ngày 27/12/2024. Do đó, Công ty M có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 – Bắc Ninh.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn là Công ty Cổ phần M và bị đơn anh Bùi Văn T2 đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tranh chấp Hợp đồng tín dụng ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với anh Bùi Văn T2 áp dụng Luật tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 30/10/2020, anh Bùi Văn T2 ký kết Hợp đồng cho vay số LN2010272947104 với Ngân hàng TMCP V (V2) – Chi nhánh B (nay là Bắc Ninh), vay số tiền 300.000.000 đồng, mục đích vay để mua xe ô tô cá nhân, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn tại thời điểm giải ngân là 9%/năm và được điều chỉnh định kỳ theo thỏa thuận.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50, biển kiểm soát 98C-233.47, đăng ký xe ô tô BKS: 98C-233.47 thuộc quyền sở hữu của anh T2.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi theo thỏa thuận, dẫn đến khoản vay bị quá hạn.

Ngày 27/12/2024, Ngân hàng TMCP V và Công ty Cổ phần M ký Hợp đồng mua bán nợ, theo đó chuyển nhượng toàn bộ khoản nợ của anh Bùi Văn T2 cho Công ty M. Công ty M kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của V2 đối với khoản nợ này. Công ty M đã nhiều lần yêu cầu anh T2 thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh T2 không thực hiện đầy đủ. Tính đến ngày 29/4/2026, tổng dư nợ của anh T2 còn

phải thanh toán là: Nợ gốc: 269.949.995 đồng; tiền lãi và lãi quá hạn: 239.179.536 đồng.

Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự thì nghĩa vụ chứng minh: *“Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án, tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”*.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP V và anh Bùi Văn T2 được ký kết trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định tại các Điều 117, 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên có hiệu lực pháp luật.

Việc Công ty Cổ phần M nhận chuyển nhượng khoản nợ từ Ngân hàng TMCP V là phù hợp quy định pháp luật, do đó Công ty M có quyền khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán khoản nợ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh T2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ của bên vay và anh T2 thừa nhận khoản vay và đồng ý thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp; đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do đó, Công ty M yêu cầu anh T2 thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi và lãi quá hạn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận. Buộc anh Bùi Văn T2 phải thanh toán trả cho Công ty Cổ phần M tổng số tiền là 509.129.531 đồng; trong đó nợ gốc là 269.949.995 đồng, nợ lãi và lãi chậm trả là 239.179.536 đồng.

Về xử lý tài sản bảo đảm thế chấp cho khoản vay: Là 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50, biển kiểm soát 98C-233.47, biển kiểm soát 98C-233.47 thuộc quyền sở hữu của anh T2. Trường hợp anh Bùi Văn T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là Là 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50, biển kiểm soát 98C-233.47 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Về tiền lãi chậm trả: Kể từ ngày ngày xét xử sơ thẩm anh Bùi Văn T2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất anh T2 phải tiếp tục thanh toán cho Công ty M theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Do yêu cầu của Công ty Cổ phần M được chấp nhận nên anh Bùi Văn T2 phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 26, Điều 27 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí tố tụng: Anh Bùi Văn T2 phải chịu 800.000đ; số tiền anh T2 Nộp trả cho Công ty Cổ phần M (do Công ty Cổ phần M đã nộp tạm ứng).

[5] *Tại phiên tòa*: Đại diện Viện kiểm sát đưa ra quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên :

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 117, Điều 122, Điều 131; Khoản 2 Điều 212, 299, 303, 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 99, 100, 103 và 107 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024. Điều 12 của Luật Ngân hàng N1. Điều 13, 18, 20, 21 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng (khoản 4, Điều 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 06/2023/TT-NHNN ngày 28/6/2023). Điều 7, 8, 10 và 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Khoản 2 Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M (Jupiter);

Buộc anh Bùi Văn T2 phải trả cho Công ty Cổ phần M (M) số tiền nợ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/4/2026 là 509.129.531đ (năm trăm linh chín triệu, một trăm hai mươi chín nghìn năm trăm ba mươi một đồng); trong đó nợ gốc là 269.949.995 đồng, nợ lãi 239.179.536 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày xét xử sơ thẩm anh Bùi Văn T2 còn phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất anh T2 phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2] Về xử lý tài sản bảo đảm thế chấp: Trường hợp anh Bùi Văn T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là

Là 01 xe ô tô nhãn hiệu MAZDA BT50, biển kiểm soát 98C-233.47 thuộc quyền sở hữu của anh T2 để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Anh Bùi Văn T2 phải chịu 24.365.000 đồng (hai mươi tư triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả Công ty Cổ phần M (M) số tiền 9.280.500 đồng (chín triệu hai trăm tám mươi nghìn năm trăm đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai số 0003924 ngày 25/11/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

Về chi phí tố tụng: Anh Bùi Văn T2 phải chịu 800.000đ; số tiền 800.000đ anh Tuấn N trả cho Công ty Cổ phần M.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 5 - BN;
- THA dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Đương sự;
- Lưu HS, AV.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Toàn